

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DI LINH
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/DS-ST

Ngày: 01-10-2019

V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Phúc, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Bá Cường Huy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Di Linh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Di Linh: Ông Mai Văn Cường - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Di Linh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 155/2019/TLST-DS ngày 13/9/2018, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Chu Thị E; sinh năm 1967.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

- Bị đơn: Vợ chồng bà Trần Thị H, ông Nguyễn Trọng P

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Bà H có mặt, ông P vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Xuân V.

Địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Chu Thị E có nội dung: Ngày 27/6/2016 bà E cho bà H vay 79.000.000đ với lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Việc vay nợ thể hiện tại văn bản “GIẤY MƯỢN TIỀN” ghi ngày 27/6/2016 được bà H ký nhận. Do bà H không trả nợ gốc,

lãi nên bà E khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà H, ông P trả 79.000.000đ nợ gốc và tiền lãi theo mức 1,125%/tháng từ ngày 27/6/2016 đến nay.

Tại phiên tòa, bà E thay đổi lời khai xác định : Đầu tháng 7 năm 2014 bà E cho bà H vay 50.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Ngày 27/6/2016 hai bên đối chiếu nợ và bà H ký “GIẤY MƯỢN TIỀN” nhận vay của bà E 79.000.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng đã vay tháng 7 năm 2014 và tiền lãi mức 2,5%/tháng tính từ tháng 7 năm 2014 đến ngày 27/6/2016 là 29.000.000 đồng. Thỏa thuận bà H trả nợ trong hạn 01 tháng với lãi suất 2,5%/tháng nhưng không trả. Nay yêu cầu vợ chồng bà H, ông P trả 50.000.000đ nợ gốc và nợ lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng tính từ tháng 7 năm 2014 đến nay là 34.475.000 đồng. Tài liệu, chứng cứ để chứng minh là văn bản “GIẤY MƯỢN TIỀN” ghi ngày 27/6/2016.

Bị đơn bà Trần Thị H trình bày : Vào khoảng tháng 7/2014, bà H vay của bà E vay 50.000.000đ giúp cho ông V. Sau đó ông V trả lãi cho bà E nhiều lần nhưng không lập giấy tờ. Đến tháng 6/2016, do ông V đi cải tạo lao động nên bà E yêu cầu bà H ký “GIẤY MƯỢN TIỀN” ghi ngày 27/6/2016 nhận vay của bà E 79.000.000đ (Gồm 50.000.000đ nợ gốc và 29.000.000đ nợ lãi). Nay bà H xác định việc vay nợ không liên quan đến ông P, cá nhân bà H sẽ có trách nhiệm trả cho bà E 50.000.000đ nợ gốc và 34.475.000 đồng nợ lãi. Tuy nhiên, khi nào ông V trả nợ cho bà thì bà mới có tiền trả cho bà E.

Đồng bị đơn ông Trần Trọng P trình bày : Ông không hề biết và không liên quan đến việc vợ ông là bà H và ông V vay tiền của bà E. Do đó, ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà E.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Ngô Xuân V trình bày: Năm 2014 ông V có nhờ bà H vay giúp của bà E 50.000.000đ. Sau đó ông trả lãi cho bà H 02 lần được 37.000.000 đồng. Đến năm 2015 do ông V đi cải tạo lao động nên bà E yêu cầu bà H viết giấy mượn tiền. Nay ông V đồng ý trả cho bà E 50.000.000 đồng nợ gốc, mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi hết nợ, đối với tiền lãi thì ông V sẽ trả khi có điều kiện.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh phát biểu ý kiến: Trong quá trình hòa giải có vi phạm tố tụng nhưng đã được khắc phục. Quá trình xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H trả cho bà E 50.000.000đ nợ gốc và 34.475.000 đồng nợ lãi. Bác yêu cầu khởi kiện của bà E đối với ông Trần Trọng P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hôm nay, hội đồng xét xử nhận định.

[1] Bị đơn ông P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

[2] Bà E và bà H cùng xác định tranh chấp xuất phát từ việc bà E cho bà H vay 50.000.000đ vào đầu tháng 7 năm 2014, lãi suất 2,5%/tháng, thời hạn vay 01 tháng. Mặc dù bà H giao tiền vay cho ông V sử dụng nhưng bà H là người vay tiền của bà E. Ông V khai đã trả lãi cho bà E nhưng không được bà E thừa nhận và không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Nay bà H xác định cá nhân bà có trách nhiệm trả cho bà E 50.000.000đ nợ gốc và 34.475.000 đồng nợ lãi như bà E yêu cầu. Quá trình tố tụng bà E thừa nhận ông P không tham gia vào quan hệ vay tài sản giữa bà E và bà H. Bản thân ông P cũng xác định không biết và không liên quan đến việc vay nợ. Bên cạnh đó, không có tài liệu, chứng cứ cho thấy bà H đã sử dụng tiền vay cho mục đích chung của vợ chồng. Do đó cần áp dụng Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà E, buộc bà H trả cho bà E trả 50.000.000đ nợ gốc và nợ lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ tháng 7 năm 2014 đến nay là 34.475.000 đồng. Đồng thời bác yêu cầu khởi kiện của bà E đối với ông P là phù hợp.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tính trên nợ gốc và nợ lãi phải trả cho bà E là $(50.000.000 \text{ đồng} + 34.475.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 4.223.000 \text{ đồng}$. Bà E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng về yêu cầu khởi kiện đối với ông P nhưng không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 144, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị E đối với ông Trần Trọng P. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Chu Thị E. Buộc bà Trần Thị H trả cho bà Chu Thị E 50.000.000đ nợ gốc và 34.475.000đ nợ lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H phải chịu 4.223.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà Chu Thị E phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 2.564.750 đồng tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009202 ngày 13/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Di Linh. Hoàn trả cho bà Chu Thị E 2.264.750 đồng tạm ứng án phí còn lại.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LD;
- VKSND huyện Di Linh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án huyện Di Linh;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Bùi Văn Sỹ